

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30/6/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Oanh

Ông Đỗ Văn Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Huy Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; **có mặt.**

- **Bị đơn:** Chị Hồ Thị N, sinh năm 1987; nơi thường trú: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2023 và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vũ Mạnh T trình bày:

Anh xây dựng hạnh phúc với chị N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải vào năm 2020. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình

khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Vũ Ngọc Thủy T, sinh ngày 20/3/2019 và Vũ Tiến T1, sinh ngày 31/5/2021. Ly hôn, do các cháu còn nhỏ nên anh đề nghị giao các con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh và chị N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Hồ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải vào năm 2020. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn tình cảm, theo thời gian mâu thuẫn tình cảm ngày một trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về mọi việc trong gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng ở hai địa phương khác xa nhau nên có sự khác nhau về lối sống, văn hóa. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị và anh T đã một lần làm thủ tục ly hôn, nhưng vì thương con nên đăng ký kết hôn lại, tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn tình cảm. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Nay, anh T làm đơn xin ly hôn, chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N thống nhất quan điểm như trình bày của anh T.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được thể hiện: Trước khi kết hôn lại vào năm 2020, anh T và chị N đã một lần làm thủ tục ly hôn. Trong thời gian chung sống, do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ nên anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Mặt khác, vợ chồng làm việc, sinh sống ở hai địa phương cách xa nhau nên tình cảm vợ chồng cũng dần lạnh nhạt. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Các con chung là T và T1 đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án. Đương sự đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N; giao cháu Thủy T và T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, các đương sự có nơi thường trú tại thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; bị đơn có nơi đăng ký tạm trú tại Xã H, huyện V, tỉnh Đồng Nai nhưng có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng là nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh T và chị N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2020, ngày 27/11/2020, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ

[4] Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được xác định: Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trong gia đình từ năm 2020. Mặc khác do hai bên đương sự ở các địa phương cách xa nhau về mặt địa lý, văn hóa, phong tục tập quán cũng khác nhau nên không tìm được tiếng nói chung. Hai bên đã ly hôn một lần, nhưng do vì con chung nên đăng ký kết hôn lại, tuy N mâu thuẫn vẫn trầm trọng. Hiện nay, anh T, chị N đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Vũ Ngọc Thủy T, sinh ngày 20/3/2019 và Vũ Tiến T1, sinh ngày 31/5/2021. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh T đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị N có nguyện vọng xin nhận nuôi các con. Chị N có công việc, thu

nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Các con chung của anh T và chị N đều còn rất nhỏ, cháu T1 chưa được 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Xét thấy, việc giao các con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi của các cháu và phù hợp với nguyện vọng của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp. Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Mạnh T, anh T được ly hôn chị Hồ Thị N.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Vũ Ngọc Thủy T, sinh ngày 20/3/2019 và cháu Vũ Tiến T1, sinh ngày 31/5/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Anh T và chị N không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở

người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0009887 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn C, huyện C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh